

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa
trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh, bao gồm các hồ: Vĩnh Sơn A, Vĩnh Sơn B, Vĩnh Sơn C, Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5, Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh và Văn Phong.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018 và thay thế Quyết định số 1841/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh.

2. Khi hồ Vĩnh Sơn 4 được cấp có thẩm quyền cho phép tích nước thì vận hành theo các quy định của Quy trình này.

3. Các quy trình vận hành của các hồ chứa nêu tại Điều 1 của Quyết định này đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành phải được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy trình vận hành liên hồ ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải; Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định; Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị quản lý, vận hành hồ và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai &TKCN;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia;
- Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ;
- Các đơn vị quản lý, vận hành hồ trong Quy trình;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGD Công TTĐT, các Vụ: CN, NC;
- Lưu: Văn thư, NN (2b), Tuynh. 30

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng

QUY TRÌNH

Vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 936 /QĐ-TTg
ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hàng năm, các hồ: Vĩnh Sơn A, Vĩnh Sơn B, Vĩnh Sơn C, Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5, Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh và Văn Phong trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh (sau đây gọi tắt là lưu vực sông Kôn) phải vận hành theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên như sau:

1. Trong mùa lũ:

a) Đảm bảo an toàn công trình:

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình hồ chứa Vĩnh Sơn C và các công trình thủy lợi Định Bình và Văn Phong không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 1.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình hồ chứa Trà Xom 1, Vĩnh Sơn 4 và Vĩnh Sơn 5 không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình hồ chứa Vĩnh Sơn A, Vĩnh Sơn B, Núi Một và Thuận Ninh không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ thiết kế ứng với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 năm.

b) Góp phần giảm lũ cho hạ du;

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và dòng chảy tối thiểu trên sông.

2. Trong mùa cạn:

a) Đảm bảo an toàn công trình;

b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du và dòng chảy tối thiểu trên sông;

c) Đảm bảo hiệu quả phát điện.

Điều 2. Mùa lũ, mùa cạn trong Quy trình này được quy định như sau:

1. Mùa lũ từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 15 tháng 12.

2. Mùa cạn từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 31 tháng 8 năm sau.

Điều 3. Việc vận hành các công trình xả của các hồ chứa phải thực hiện theo đúng quy trình vận hành công trình xả đã được ban hành, nhằm đảm bảo ổn định cho hệ thống công trình đầu mối.

Điều 4. Các thông số kỹ thuật cơ bản của các hồ chứa

1. Hồ Vĩnh Sơn A:

- Cao trình mực nước lũ thiết kế: 780,85 m;
- Cao trình mực nước dâng bình thường: 775,00 m;
- Cao trình mực nước chết: 765,00 m;
- Dung tích toàn bộ: 34,00 triệu m³;
- Dung tích hữu ích: 22,00 triệu m³.

2. Hồ Vĩnh Sơn B:

- Cao trình mực nước lũ thiết kế: 832,10 m;
- Cao trình mực nước dâng bình thường: 826,00 m;
- Cao trình mực nước chết: 813,60 m;
- Dung tích toàn bộ: 97,00 triệu m³;
- Dung tích hữu ích: 80,00 triệu m³.

3. Hồ Vĩnh Sơn C:

- Cao trình mực nước lũ kiểm tra: 987,52 m;
- Cao trình mực nước dâng bình thường: 981,00 m;
- Cao trình mực nước chết: 971,30 m;
- Dung tích toàn bộ: 58,00 triệu m³;
- Dung tích hữu ích: 35,00 triệu m³.

4. Hồ Trà Xom 1:

- Cao trình mực nước lũ kiểm tra: 668,72 m;
- Cao trình mực nước dâng bình thường: 668,00 m;
- Cao trình mực nước chết: 653,00 m;
- Dung tích toàn bộ: 39,50 triệu m³;
- Dung tích hữu ích: 31,22 triệu m³.

5. Hồ Định Bình:

- Cao trình mực nước lũ kiểm tra: 94,80 m;
- Cao trình mực nước dâng bình thường: 91,93 m;
- Cao trình mực nước chết: 65,00 m;
- Dung tích toàn bộ: 226,21 triệu m³;
- Dung tích hữu ích: 209,93 triệu m³;
- Dung tích phòng lũ: 112,00 triệu m³.

6. Hồ Núi Mọt:

- Cao trình mực nước lũ thiết kế: 48,68 m;
- Cao trình mực nước dâng bình thường: 46,20 m;
- Cao trình mực nước chết: 25,00 m;
- Dung tích toàn bộ: 111,00 triệu m³;
- Dung tích hữu ích: 109,55 triệu m³.

7. Hồ Thuận Ninh:

- Cao trình mực nước lũ thiết kế: 69,25 m;
- Cao trình mực nước dâng bình thường: 68,00 m;
- Cao trình mực nước chết: 56,00 m;
- Dung tích toàn bộ: 35,36 triệu m³;
- Dung tích hữu ích: 32,26 triệu m³.

8. Hồ Vĩnh Sơn 4:

- Cao trình mực nước lũ kiểm tra: 207,70 m;
- Cao trình mực nước dâng bình thường: 205,00 m;
- Cao trình mực nước chết: 195,00 m;
- Dung tích toàn bộ: 21,80 triệu m³;
- Dung tích hữu ích: 9,10 triệu m³.

9. Hồ Vĩnh Sơn 5:

- Cao trình mực nước lũ kiểm tra: 158,25 m;
- Cao trình mực nước dâng bình thường: 155,00 m;
- Cao trình mực nước chết: 154,00 m;
- Dung tích toàn bộ: 1,53 triệu m³;
- Dung tích hữu ích: 0,19 triệu m³.

10. Hồ Văn Phong:

- Cao trình mực nước lũ kiểm tra: 30,20 m;
- Cao trình mực nước dâng bình thường: 25,00 m.

Điều 5: Ngoài thời gian mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định quyết định theo thẩm quyền việc vận hành các hồ theo chế độ vận hành trong mùa lũ quy định tại Quy trình này hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai nếu xảy ra một trong các tình huống bất thường sau đây:

1. Khi Tổng cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 1 trở lên.

2. Khi mực nước của một trong các hồ Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh đã đạt đến mực nước dâng bình thường mà mực nước tại các trạm thủy văn quy định tại Bảng 1, Điều 7 của Quy trình này trên báo động I.

3. Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ sự cố công trình xả hoặc sự cố của các hạng mục bảo đảm an toàn công trình.

4. Các tình huống khác có nguy cơ đe dọa đến an toàn công trình, khu vực hạ du do Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định quyết định.

Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ trong các tình huống bất thường quy định tại Điều này phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ và yêu cầu đảm bảo an toàn cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn công trình.

Chương II

VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 6. Nguyên tắc vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du

1. Không cho phép sử dụng phần dung tích hồ từ cao trình mực nước dâng bình thường đến cao trình mực nước lũ kiểm tra hoặc mực nước lũ thiết kế để điều tiết lũ khi các cửa van của công trình xả chưa ở trạng thái mở hoàn toàn đối với các hồ, trừ hồ Định Bình và các trường hợp bất thường quy định tại Điều 14 của Quy trình này hoặc các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai quyết định.

2. Khi vận hành giảm lũ cho hạ du phải tuân thủ theo quy định về trình tự, phương thức đóng, mở cửa van các công trình xả đã được cấp có thẩm quyền ban hành, bảo đảm không gây lũ nhân tạo đột ngột, bất thường đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của nhân dân khu vực ven sông ở hạ du hồ chứa.

3. Trong thời kỳ mùa lũ quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Quy trình này, khi chưa tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du, mực nước các hồ chứa Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh không được vượt mực nước cao nhất trước lũ được quy định tại Bảng 2, trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin dự báo tiếp theo để vận hành, điều tiết hồ cho phù hợp với tình hình thực tế.

5. Khi các hồ Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh kết thúc quá trình giảm lũ cho hạ du phải đưa dần mực nước hồ về cao trình mực nước cao nhất trước lũ quy định tại Bảng 2, trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Quy trình này.

Điều 7. Quy định mực nước để vận hành các hồ Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh trong mùa lũ

1. Mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên sông tại các trạm thủy văn được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1. Mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ

Sông	Trạm Thủy văn	Báo động I (m)	Báo động II (m)	Báo động III (m)
Kôn	Bình Nghi	15,5	16,5	17,5
Kôn	Thanh Hòa	6,0	7,0	8,0

2. Mực nước cao nhất trước lũ của các hồ trong mùa lũ được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Mực nước cao nhất trước lũ của các hồ trong mùa lũ (trừ trường hợp tích nước cuối mùa lũ quy định tại Điều 15 của Quy trình)

Hồ	Mực nước hồ (m)			
	Từ 01 tháng 9 đến 30 tháng 9	Từ 01 tháng 10 đến 31 tháng 10	Từ 01 tháng 11 đến 15 tháng 11	Từ 16 tháng 11 đến 15 tháng 12
Trà Xom 1	665,0		666,0	667,0
Định Bình	70,0	75,0	80,93	85,0
Núi Một	42,7	44,5	45,2	
Thuận Ninh	63,0	65,0	67,0	

3. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ khi tham gia giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 3.

Bảng 3. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ (trừ trường hợp tích nước cuối mùa lũ quy định tại Điều 15 của Quy trình)

Hồ	Mực nước hồ (m)			
	Từ 01 tháng 9 đến 30 tháng 9	Từ 01 tháng 10 đến 31 tháng 10	Từ 01 tháng 11 đến 15 tháng 11	Từ 16 tháng 11 đến 15 tháng 12
Trà Xom 1	661,0		665,0	666,0
Định Bình	65,0	65,0	75,0	82,0
Núi Một	42,7	43,5	44,5	
Thuận Ninh	63,0		65,5	

4. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định dừng xả nước đón lũ và vận hành các hồ giảm lũ được quy định tại Bảng 4 và Bảng 5.

Bảng 4. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định dừng xả nước đón lũ

Trạm Thủy văn	Bình Nghi	Thanh Hòa
Mực nước tại Trạm Thủy văn (m)	16,2	7,0

Bảng 5. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành các hồ giảm lũ

Trạm Thủy văn	Bình Nghi	Thanh Hòa
Mực nước tại Trạm Thủy văn (m)	16,5	7,5

Điều 8. Thẩm quyền quyết định vận hành hồ trong mùa lũ

1. Đối với các hồ Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh, Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5 và Văn Phong

a) Trong điều kiện thời tiết bình thường, Giám đốc đơn vị quản lý, vận hành hồ (sau đây gọi tắt là chủ hồ) được phép chủ động vận hành điều tiết hồ theo quy định tại Điều 13 nhưng phải đảm bảo mực nước hồ không vượt giá trị quy định tại Bảng 2 đối với các hồ Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh, không vượt mực nước dâng bình thường đối với các hồ Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5, Văn Phong và thực hiện việc tích nước cuối mùa lũ theo thẩm quyền quy định tại Điều 15 của Quy trình này;

b) Khi Tổng cục Khí tượng Thủy văn dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thể thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương trên lưu vực sông Kôn hoặc xuất hiện lũ trên lưu vực sông Kôn (sau đây gọi tắt là dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ), Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định quyết định vận hành các hồ;

c) Trường hợp xuất hiện các tình huống bất thường quy định tại Điều 14 của Quy trình này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quyết định vận hành các hồ hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai;

d) Trường hợp phải chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình, chủ hồ quyết định việc vận hành theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

2. Đối với cụm hồ Vĩnh Sơn A, Vĩnh Sơn B và Vĩnh Sơn C (sau đây gọi tắt là cụm hồ Vĩnh Sơn), chủ hồ được phép chủ động vận hành phát điện, nhưng phải tuân thủ quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

Điều 9. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ Trà Xom 1 và Định Bình

Khi Tổng cục Khí tượng Thủy văn dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định xem xét, quyết định việc vận hành các hồ như sau:

1. Trường hợp mực nước tại Trạm Thủy văn Bình Nghi đang dưới giá trị quy định tại Bảng 4, vận hành hạ mực nước hồ để đón lũ như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 3, vận hành điều tiết với lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ để hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 3. Trong quá trình vận hành, nếu mực nước tại Trạm thủy văn Bình Nghi vượt giá trị quy định tại Bảng 4 và dưới giá trị quy định tại Bảng 5, vận hành với lưu lượng xả tương đương lưu lượng đến hồ để duy trì mực nước hiện tại của hồ;

b) Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 3, căn cứ vào mực nước hiện tại của hồ, dự báo tình hình mưa, lũ trên lưu vực và yêu cầu giảm lũ cho hạ du, vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt giá trị quy định tại Bảng 3;

c) Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, trường hợp Tổng cục Khí tượng Thủy văn dự báo các hình thế thời tiết có khả năng gây mưa, lũ không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương trên lưu vực sông Kôn, vận hành điều tiết đưa dần mực nước hồ về giá trị quy định tại Bảng 2.

2. Trường hợp mực nước tại Trạm Thủy văn Bình Nghi từ giá trị quy định tại Bảng 4 đến dưới giá trị quy định tại Bảng 5, vận hành với lưu lượng xả tương đương lưu lượng đến hồ để duy trì mực nước hiện tại của hồ.

3. Vận hành giảm lũ cho hạ du:

a) Trường hợp mực nước tại Trạm Thủy văn Bình Nghi vượt giá trị quy định tại Bảng 5, vận hành các hồ với lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ để giảm lũ cho hạ du nhưng phải bảo đảm mực nước hồ không vượt cao trình mực nước dâng bình thường;

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, vận hành điều tiết hồ với lưu lượng xả tương đương lưu lượng đến hồ; đồng thời, sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Bình Nghi hoặc Thạnh Hòa vượt báo động III, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định có thể xem xét, quyết định sử dụng một phần dung tích từ cao trình mực nước dâng bình thường đến mực nước lũ kiểm tra của hồ Định Bình để giảm lũ cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn cho công trình.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Bình Nghi vượt giá trị quy định tại Bảng 5 thì chuyển sang chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất trước lũ:

a) Trong quá trình vận hành theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Bình Nghi xuống dưới mức báo động I và mực nước tại Trạm Thủy văn Thạnh Hòa xuống dưới mức báo động II và mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 2, căn cứ vào dự báo tình hình mưa, lũ trên lưu vực, yêu cầu giảm lũ cho hạ du và mực nước hiện tại của hồ, vận hành điều tiết với lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ để đưa dần mực nước hồ về giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành quy định tại Điểm a Khoản này, nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Bình Nghi hoặc mực nước tại Trạm Thủy văn Thạnh Hòa đạt giá trị quy định tại Bảng 4, vận hành điều tiết để duy trì mực nước hiện tại của hồ.

Điều 10. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ Núi Một và Thuận Ninh

Khi Tổng cục Khí tượng Thủy văn dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định xem xét, quyết định việc vận hành hồ như sau:

1. Trường hợp mực nước tại Trạm Thủy văn Thạnh Hòa đang dưới giá trị quy định tại Bảng 4, vận hành hạ mực nước hồ để đón lũ như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 3, vận hành điều tiết với lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ để hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 3. Trong quá trình vận hành, nếu mực nước tại Trạm thủy văn Thạnh Hòa vượt giá trị quy định tại Bảng 4 và dưới giá trị quy định tại Bảng 5, vận hành với lưu lượng xả tương đương lưu lượng đến hồ để duy trì mực nước hiện tại của hồ;

b) Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 3, căn cứ vào mực nước hiện tại của hồ, dự báo tình hình mưa lũ trên lưu vực và yêu cầu giảm lũ cho hạ du, vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt giá trị quy định tại Bảng 3;

c) Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, trường hợp Tổng cục Khí tượng Thủy văn dự báo các hình thế thời tiết có khả năng gây mưa, lũ không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực sông Côn, vận hành điều tiết đưa dần mực nước hồ về giá trị quy định tại Bảng 2.

2. Trường hợp mực nước tại Trạm Thủy văn Thạnh Hòa vượt giá trị quy định tại Bảng 4 và dưới giá trị quy định tại Bảng 5, vận hành với lưu lượng xả tương đương lưu lượng đến hồ để duy trì mực nước hiện tại của hồ.

3. Vận hành giảm lũ cho hạ du:

a) Trường hợp mực nước tại Trạm Thủy văn Thạnh Hòa vượt giá trị quy định tại Bảng 5, vận hành các hồ với lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ để giảm lũ cho hạ du nhưng phải bảo đảm mực nước hồ không vượt cao trình mực nước dâng bình thường;

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, vận hành điều tiết hồ với lưu lượng xả tương đương lưu lượng đến hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Thạnh Hòa vượt giá trị quy định tại Bảng 5 thì chuyển sang chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất trước lũ:

a) Trong quá trình vận hành theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Thạnh Hòa xuống dưới mức báo động II và mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 2, căn cứ vào dự báo tình hình mưa, lũ trên lưu vực, yêu cầu giảm lũ hạ du và mực nước hiện tại của hồ, vận hành điều tiết với lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ để đưa dần mực nước hồ về giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành, nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Bình Nghi đạt giá trị quy định tại Bảng 4, vận hành điều tiết để duy trì mực nước hiện tại của hồ.

Điều 11. Vận hành đối với các hồ Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5, cụm hồ Vĩnh Sơn và Văn Phong trong mùa lũ

1. Khi Tổng cục Khí tượng Thủy văn dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, căn cứ mực nước hồ, tình hình mưa lũ trên lưu vực và yêu cầu giảm lũ cho hạ du, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định xem xét, quyết định việc vận hành các hồ Vĩnh Sơn 4, Vĩnh Sơn 5, cụm hồ Vĩnh Sơn và Văn Phong để phối hợp với hồ Trà Xom 1, Định Bình góp phần giảm lũ cho hạ du.

2. Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

Điều 12. Vận hành bảo đảm an toàn công trình

Trong quá trình vận hành, khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, mà lưu lượng đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của công trình, chủ hồ xem xét, quyết định thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo Quy trình vận hành của hồ được cấp có thẩm quyền ban hành, đồng thời, phải báo cáo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định.

Điều 13. Vận hành các hồ khi không tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi các hồ được phép tích nước theo quy định tại Điều 15 hoặc không tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại các Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Quy trình này, chủ hồ phải vận hành bảo đảm dòng chảy tối thiểu ở sau đập theo quy định.

2. Trường hợp có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định thì các hồ phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 14. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai nếu xảy ra một trong các tình huống bất thường sau đây:

1. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Quy trình này, nếu Tổng cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo tiếp tục xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện đợt mưa, lũ lớn tiếp theo mà ở dưới hạ du đang bị ngập, lụt từ cấp độ 3 trở lên; hoặc khi mực nước của một trong các hồ Trà Xom 1, Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh đã đạt đến mực nước dâng bình thường mà mực nước tại các trạm thủy văn quy định tại Bảng 1 của Quy trình này trên báo động III.

2. Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình thủy lợi, kết cấu hạ tầng ở hạ du.

3. Các tình huống khẩn cấp khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quyết định để đảm bảo an toàn cho hạ du.

Việc xem xét, quyết định các phương án vận hành các hồ trong các tình huống bất thường quy định tại Điều này phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ và yêu cầu đảm bảo an toàn cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn công trình.

Điều 15. Tích nước cuối mùa lũ

1. Tích nước cuối mùa lũ:

a) Hồ Trà Xom 1:

Từ ngày 15 tháng 11 đến ngày 15 tháng 12 hàng năm, căn cứ nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn của Tổng cục Khí tượng Thủy văn, nếu không xuất hiện hình thế thời tiết có khả năng gây mưa, lũ lớn trên lưu vực sông Côn, chủ hồ được phép chủ động vận hành ưu tiên tích nước để nâng dần mực nước hồ về mực nước dâng bình thường.

b) Các hồ Định Bình, Núi Một và Thuận Ninh:

Từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 15 tháng 12 hàng năm, căn cứ nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn của Tổng cục Khí tượng Thủy văn, nếu không xuất hiện hình thế thời tiết có khả năng gây mưa, lũ lớn trên lưu vực sông Côn, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định xem xét, quyết định việc cho phép các hồ tích nước để đưa dần mực nước hồ về mực nước dâng bình thường.

2. Trong thời gian các hồ vận hành tích nước theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu Tổng cục Khí tượng Thủy văn dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định quyết định vận hành các hồ như sau:

a) Vận hành các hồ Trà Xom 1 và Định Bình để đón lũ theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Quy trình này nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2 và vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 của Quy trình này;

b) Vận hành các hồ Núi Một và Thuận Ninh để đón lũ theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Quy trình này nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2 và vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Quy trình này;

c) Trong quá trình vận hành theo Điểm a, Điểm b Khoản này, căn cứ bản tin dự báo của Tổng cục Khí tượng Thủy văn, nếu các hình thế thời tiết có khả năng gây mưa, lũ không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương trên lưu vực sông Côn hoặc không xuất hiện lũ thì vận hành điều tiết đưa dần mực nước hồ về mực nước dâng bình thường.

Chương III

VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA CẠN

Điều 16. Nguyên tắc vận hành trong mùa cạn

1. Vận hành hồ với lưu lượng xả phù hợp với các thời kỳ, đảm bảo mực nước hồ theo từng khoảng thời gian 10 ngày đối với hồ Định Bình.

2. Trong quá trình vận hành, phải căn cứ vào mực nước hồ hiện tại và dự báo dòng chảy đến hồ để điều chỉnh chế độ vận hành cho phù hợp để đưa mực nước hồ về khoảng mực nước để điều hành hồ trong mùa cạn quy định tại Phụ lục III của Quy trình này (sau đây gọi tắt là khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III) hoặc cao hơn.

Điều 17. Các thời kỳ vận hành hồ chứa trong mùa cạn

1. Thời kỳ sử dụng nước gia tăng: từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 31 tháng 3 năm sau và từ ngày 01 tháng 5 đến ngày 31 tháng 7.

2. Thời kỳ sử dụng nước bình thường: bao gồm thời gian còn lại của mùa cạn.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định vận hành hồ trong mùa cạn

1. Chủ hồ được phép chủ động vận hành hồ nhưng phải tuân thủ các quy định tại các Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Quy trình này, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

2. Việc quyết định điều chỉnh chế độ vận hành (lưu lượng, thời gian) xả nước xuống hạ du của các hồ khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

a) Trong trường hợp vào đầu mùa cạn mà mực nước hồ Định Bình thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, thì căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và dự báo lưu lượng đến hồ, chủ hồ phải đề xuất phương án xử lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ nhằm bảo đảm chậm nhất đến ngày 01 tháng 02 mực nước hồ không thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III;

b) Trường hợp 10 ngày liên tục mà mực nước hồ Định Bình vẫn thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, thì chủ hồ phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định để xem xét, quyết định điều chỉnh chế độ vận hành hồ để phù hợp với yêu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du và dòng chảy đến hồ, đồng thời phải bảo đảm yêu cầu sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

c) Trường hợp sau khi đã điều chỉnh chế độ vận hành theo quy định tại Điểm b Khoản này mà 30 ngày liên tục, mực nước hồ vẫn thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, thì chủ hồ đề xuất phương án gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, quyết định việc điều chỉnh chế độ vận hành cho phù hợp nhằm bảo đảm yêu cầu sử dụng tối thiểu đến cuối mùa cạn.

3. Trường hợp xảy ra hạn hán với cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán từ cấp độ 2 trở lên, thì căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, dự báo lưu lượng đến hồ và nhu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du, chủ hồ đề xuất

phương án xử lý gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo thẩm quyền quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai để xem xét, quyết định chế độ vận hành các hồ cho phù hợp với tình hình hạn hán và bảo đảm yêu cầu sử dụng tối thiểu đến cuối mùa cạn, kể cả việc xem xét sử dụng một phần dung tích chết của các hồ.

Điều 19. Vận hành hồ Định Bình

Hàng ngày, hồ Định Bình phải vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, vận hành các công lấy nước đầu kênh để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống tưới và vận hành xả nước xuống hạ du sông Côn như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ Văn Phong nằm trong khoảng từ 24,4 m đến 24,8 m:

a) Trường hợp mực nước hồ Định Bình cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, hồ Định Bình vận hành xả nước xuống hạ du với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn: 28,0 m³/s đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng; 13,0 m³/s đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường.

b) Trường hợp mực nước hồ Định Bình trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, hồ Định Bình vận hành xả nước xuống hạ du với lưu lượng trung bình ngày: Từ 25,0 m³/s đến 28,0 m³/s đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng; từ 10,0 m³/s đến 13,0 m³/s đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường.

c) Trường hợp mực nước hồ Định Bình thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, hồ Định Bình vận hành xả nước xuống hạ du với lưu lượng trung bình ngày: Từ 20,0 m³/s đến 25,0 m³/s đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng; từ 8,0 m³/s đến 10 m³/s đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường.

2. Trường hợp mực nước hồ Văn Phong thấp hơn 24,2 m, thì căn cứ mực nước hồ và lưu lượng xả tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này, hồ Định Bình vận hành điều chỉnh tăng lưu lượng xả xuống hạ du để đưa mực nước hồ Văn Phong không thấp hơn 24,4 m.

3. Trường hợp mực nước hồ Văn Phong cao hơn 24,8 m, căn cứ mực nước hồ và lưu lượng xả tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này, hồ Định Bình điều chỉnh giảm lưu lượng xả xuống hạ du để duy trì mực nước của hồ Văn Phong không vượt quá 25,0 m, trừ trường hợp mực nước hồ Định Bình cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

Điều 20. Vận hành hồ Văn Phong

Trong quá trình hồ Định Bình vận hành theo quy định tại Điều 19 của Quy trình này, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH KTCTTL Bình Định) phải vận hành các công lấy nước đầu kênh để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi Văn Phong; đồng thời, phải căn cứ dòng chảy đến hồ, phối hợp với hồ Định Bình để vận hành xả nước liên tục bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du sông Côn như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ Văn Phong nằm trong khoảng từ 24,4 m đến 24,8 m:

a) 25,0 m³/s đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng;

b) 8,0 m³/s đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường.

2. Trường hợp mực nước hồ Văn Phong thấp hơn 24,2 m mà lưu lượng đến hồ vẫn giảm, thì căn cứ lưu lượng xả tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này, hồ Văn Phong điều chỉnh giảm lưu lượng xả xuống hạ du để đưa mực nước hồ Văn Phong không thấp hơn 24,4 m.

3. Trường hợp mực nước hồ Văn Phong cao hơn 24,8 m mà lưu lượng đến hồ vẫn tăng, thì căn cứ lưu lượng xả tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này, hồ Văn Phong được phép điều chỉnh tăng lưu lượng để duy trì mực nước của hồ không vượt quá 25,0 m. Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ Văn Phong xuống thấp hơn 24,8m thì vận hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 21. Vận hành cụm hồ Vĩnh Sơn, hồ Vĩnh Sơn 4, hồ Vĩnh Sơn 5 và hồ Trà Xom 1

1. Hàng ngày, cụm hồ Vĩnh Sơn, hồ Vĩnh Sơn 4 và hồ Trà Xom 1 phải vận hành xả nước về hạ du để đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và phải bảo đảm vận hành theo các quy định như sau:

a) Khi mực nước hồ Định Bình trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III hoặc cao hơn, cụm hồ Vĩnh Sơn, hồ Vĩnh Sơn 4 và hồ Trà Xom 1 được phép chủ động vận hành xả nước về hạ du.

b) Khi mực nước hồ Định Bình thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, cụm hồ Vĩnh Sơn, hồ Vĩnh Sơn 4 và hồ Trà Xom 1 vận hành xả nước xuống hạ du bảo đảm lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn: 5,0 m³/s đối với cụm hồ Vĩnh Sơn; 3,0 m³/s đối với hồ Vĩnh Sơn 4; 1,0 m³/s đối với hồ Trà Xom 1.

2. Hàng ngày, hồ Vĩnh Sơn 5 vận hành như sau:

a) Vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định. Trường hợp có yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, hồ Vĩnh Sơn 5 phải xả nước xuống hạ du sông Côn theo yêu cầu.

b) Trong quá trình cụm hồ Vĩnh Sơn vận hành xả nước xuống hạ du theo quy định tại Khoản 1 Điều này, hồ Vĩnh Sơn 5 phải vận hành xả nước để bảo đảm lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn lưu lượng đến hồ.

Điều 22. Vận hành các hồ Núi Một và Thuận Ninh

1. Hằng ngày, hồ Núi Một và Thuận Ninh phải vận hành xả nước về hạ du để đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và vận hành các công lấy nước đầu kênh để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi.

2. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, căn cứ mực nước hồ và dòng chảy đến hồ, nếu có khả năng bổ sung nguồn nước cho hạ du thì các hồ phải chủ động vận hành xả nước về sông An Tượng và suối Quéo để bổ sung nguồn nước cho hạ du.

Điều 23. Vận hành các đập dâng Bảy Yển và Bình Thạnh

Trong quá trình hồ Văn Phong vận hành xả nước, đập dâng Bảy Yển và Bình Thạnh vận hành điều tiết để đảm bảo phân phối lưu lượng giữa các nhánh sông Đập Đá, Gò Chàm, Tân An phù hợp với yêu cầu sử dụng nước của từng nhánh sông.

Chương IV

QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 24. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định

1. Trong mùa lũ:

a) Tổ chức xây dựng giải pháp lưu trữ, cập nhật các thông tin, số liệu khí tượng thủy văn, vận hành hồ chứa và công cụ tính toán, hỗ trợ tham mưu chỉ đạo điều hành việc vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 của Quy trình này;

b) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại Quy trình này;

c) Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành các hồ theo quy định. Việc ban hành lệnh vận hành hồ phải trước ít nhất 04 giờ tính đến thời điểm mở cửa xả đầu tiên, trừ các trường hợp khẩn cấp, bất thường;

d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ, chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du khi các hồ xả nước;

đ) Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ; đồng thời thông báo cho Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ, Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn của các Bộ Giao thông vận tải, Công Thương và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai.

2. Trong mùa cạn:

Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền trong trường hợp bất thường theo quy định tại Điều 5 của Quy trình này, đồng thời báo cáo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định để chỉ đạo, xử lý.

3. Khi nhận được thông báo lệnh vận hành từ Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện phải thông báo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực hạ du bị ảnh hưởng, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ lụt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thông báo để nhân dân biết và triển khai các biện pháp ứng phó.

4. Các lệnh, thông báo, chỉ đạo, kiến nghị, trao đổi có liên quan đến việc điều tiết, ban hành lệnh vận hành các hồ và các cơ quan liên quan quy định tại Điều này đều phải thực hiện bằng văn bản và được gửi qua fax hoặc chuyển bản tin bằng mạng vi tính hoặc đọc trực tiếp bằng điện thoại, sau đó văn bản gốc phải được gửi cho các cơ quan, đơn vị nêu trên để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

Điều 25. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

1. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

2. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này đối với các chủ hồ.

3. Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 8, Điều 14 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 18 của Quy trình này.

4. Chỉ đạo xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và hạn hán trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn cho công trình có liên quan theo thẩm quyền.

5. Chỉ đạo chủ các hồ Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh và Văn Phong thực hiện việc đảm bảo an toàn hồ chứa; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu, thông tin cho các cơ quan, đơn vị theo quy định và thực hiện vận hành hồ theo quy định của Quy trình này.

6. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai để chỉ đạo chống lũ cho hạ du trước khi các hồ Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh và Văn Phong xả lũ khẩn cấp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối.

7. Chỉ đạo Công ty TNHH KTCTTL Bình Định và các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy trình này.

8. Chỉ đạo các địa phương điều chỉnh lịch thời vụ gieo trồng và kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định của Quy trình này.

9. Chỉ đạo các chủ hồ lắp đặt camera giám sát việc xả nước và truyền tín hiệu hình ảnh về Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Tổng cục Khí tượng Thủy văn và Cục Quản lý tài nguyên nước; xây dựng, lắp đặt hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của các hồ chứa theo quy định. Riêng đối với các hồ thủy điện còn phải truyền tín hiệu hình ảnh về Cục Điều tiết điện lực.

Điều 26. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai

1. Quyết định cảnh báo và chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với tình huống lũ, lụt, hạn hán ở hạ du theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai và pháp luật về thủy lợi.

2. Quyết định việc vận hành các hồ theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai nếu xảy ra các tình huống bất thường quy định tại Điều 5 và Điều 14 của Quy trình này.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công Thương

1. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Tổng công ty Phát điện 3, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom và Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn thực hiện việc đảm bảo an toàn các hồ thủy điện.

2. Chỉ đạo, đôn đốc chủ các hồ thủy điện thực hiện vận hành giảm lũ và vận hành điều tiết nước cho hạ du theo quy định của Quy trình này; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu, thông tin cho các cơ quan, đơn vị quy định của Quy trình này; lắp đặt hệ thống báo động, thông tin đến các hộ dân vùng hạ lưu nhận biết các tín hiệu khi các hồ chứa thủy điện tiến hành xả lũ.

3. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia xây dựng kế hoạch huy động của các nhà máy thủy điện vào hệ thống điện Quốc gia, phù hợp với yêu cầu về vận hành giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và các yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả của từng hồ trong mùa cạn theo quy định của Quy trình này.

4. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai trước khi các hồ thủy điện xả lũ khẩn cấp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Trong mùa lũ:

- a) Chỉ đạo việc đảm bảo an toàn cho công trình có liên quan theo thẩm quyền;
- b) Chỉ đạo biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với hệ thống đê và công trình thủy lợi trên lưu vực sông Kôn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai theo quy định;
- c) Đề xuất phương án xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp các hồ xả lũ khẩn cấp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối hoặc xảy ra sự cố bất thường.

2. Trong mùa cạn:

- a) Chỉ đạo các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, kiểm tra, sẵn sàng cho việc lấy nước khi các hồ xả nước, đảm bảo không gây lãng phí nước;
- b) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan có liên quan chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất nông nghiệp phù hợp với khả năng nguồn nước trong những trường hợp cần thiết;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quyết định việc vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Quy trình này.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức công bố, hướng dẫn, tập huấn thực hiện Quy trình. Chỉ đạo Cục Quản lý tài nguyên nước và các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra việc vận hành các hồ chứa theo Quy trình này và tổ chức xây dựng công cụ giám sát, tính toán, hỗ trợ tham mưu chỉ đạo điều hành việc vận hành các hồ theo thẩm quyền.

2. Chỉ đạo Tổng cục Khí tượng Thủy văn tổ chức thực hiện việc quan trắc, dự báo, cảnh báo và nhận định theo chế độ và cung cấp thông tin, số liệu theo quy định của Quy trình này.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Quy trình này.

4. Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ khi cần thiết.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ trưởng các Bộ, ngành liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo đảm bảo an toàn công trình, kết cấu hạ tầng và các hoạt động khác có liên quan đến khai thác, sử dụng nước trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các tổ chức trực thuộc, các cơ quan có liên quan xây dựng biện pháp xử lý các sự cố do lũ gây ra và lập kế hoạch sử dụng nước phù hợp với Quy trình này.

Điều 31. Trách nhiệm của Chủ hồ

1. Thực hiện vận hành hồ chứa theo quy định của Quy trình này.

2. Theo dõi tình hình khí tượng, thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin số liệu theo quy định của Quy trình này.

3. Lắp đặt camera giám sát việc xả nước và truyền tín hiệu hình ảnh về Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định; Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai; Tổng cục Khí tượng Thủy văn và Cục Quản lý tài nguyên nước; xây dựng, lắp đặt hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của các hồ chứa theo quy định. Riêng đối với các hồ thủy điện còn phải truyền tín hiệu hình ảnh về Cục Điều tiết điện lực.

4. Hàng ngày, cung cấp số liệu vận hành hồ về hệ thống thông tin, giám sát việc vận hành hồ của Cục Quản lý tài nguyên nước và Cục Điều tiết điện lực theo yêu cầu.

5. Trong quá trình vận hành theo Quy trình này, chủ hồ phải thực hiện việc thông báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan trên sông suối ở khu vực hạ lưu đập, nhà máy trước khi vận hành xả lũ qua tràn, bắt đầu xả nước phát điện hoặc khi tăng lưu lượng xả lớn hơn 50%.

6. Trong mùa lũ:

a) Trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành được quy định như sau:

- Thực hiện lệnh vận hành hồ của Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định;

- Trường hợp xảy ra tình huống bất thường, không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành;

- Trường hợp mất thông tin liên lạc hoặc không nhận được lệnh vận hành của người có thẩm quyền ra lệnh và các tình huống bất thường khác, quyết định việc vận hành hồ theo đúng quy định của Quy trình này, đồng thời phải chủ động thực hiện ngay các biện pháp ứng phó phù hợp.

b) Khi thực hiện lệnh vận hành các cửa xả, chủ hồ phải thông báo ngay tới các cơ quan, đơn vị được quy định như sau:

- Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định, Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ;

- Định Bình đối với việc thực hiện lệnh vận hành các hồ Trà Xom 1, Vĩnh Sơn 4 và Vĩnh Sơn 5.

c) Thực hiện việc vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này. Khi vận hành đảm bảo an toàn công trình, phải báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đối với các hồ Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh và Văn Phong; Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện;

d) Việc thông báo tới các cơ quan quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này được gửi qua fax hoặc chuyển bản tin bằng mạng vi tính hoặc đọc trực tiếp bằng điện thoại hoặc bằng máy thông tin vô tuyến điện, sau đó văn bản gốc phải được gửi cho các cơ quan, đơn vị nêu trên để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý;

đ) Khi xuất hiện các trường hợp bất thường quy định tại Điều 14 của Quy trình này, phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định kèm theo phương án đề xuất để xem xét, quyết định việc vận hành hồ.

7. Trong mùa cạn:

a) Tổ chức vận hành bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

b) Đề xuất phương án, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Bộ Tài nguyên và Môi trường để thống nhất phương án điều tiết nước cho hạ du nếu xảy ra sự cố mà không thể vận hành hồ theo quy định của Quy trình này;

c) Đề xuất phương án, báo cáo Trưởng ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định để xem xét, quyết định việc vận hành nếu xảy ra các tình huống bất thường quy định tại Điều 5 của Quy trình này;

d) Đề xuất phương án, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chế độ vận hành nếu xảy ra các tình huống hạn hán, thiếu nước theo quy định tại Điều 18 của Quy trình này.

Điều 32. Trách nhiệm về an toàn các công trình

1. Lệnh vận hành các hồ điều tiết lũ trái với các quy định trong Quy trình này, dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì chủ hồ liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì chủ hồ có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đối với các hồ Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh và Văn Phong để chỉ đạo xử lý, khắc phục sự cố; đồng thời báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định để chỉ đạo công tác phòng, chống lũ cho hạ du.

4. Nếu phát hiện sự cố các công trình thủy lợi ở hạ du, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định có trách nhiệm báo cáo và đề xuất phương án khắc phục với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xử lý, đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai.

5. Hàng năm, phải thực hiện tổng kiểm tra trước mùa lũ theo quy định. Chủ hồ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định, đồng thời báo cáo tới Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban nhân dân và Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định, Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hồ thủy lợi.

6. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 31 tháng 8, chủ hồ phải báo cáo ngay tới các cơ quan quy định tại Khoản 5 Điều này để chỉ đạo xử lý.

Điều 33. Chế độ quan trắc, dự báo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa, lũ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, chủ hồ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo như sau:

a) Hàng ngày, Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia phải thực hiện 01 bản tin dự báo tại Trạm Thủy văn Thanh Hòa vào 15 giờ;

b) Hàng ngày, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ phải thực hiện 01 bản tin dự báo tại các Trạm Thủy văn Bình Nghi và Thanh Hòa vào 15 giờ;

c) Hàng ngày, chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 04 lần vào các thời điểm: 01 giờ, 7 giờ, 13 giờ và 19 giờ;

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 9 giờ. Nội dung bản tin dự báo phải bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, chủ hồ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

a) Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia:

- Thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo. Tần suất thực hiện bản tin dự báo, cảnh báo theo quy định tại Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai (sau đây gọi tắt là Quyết định số 46);

- Thực hiện việc thu thập số liệu quan trắc mưa, mực nước tại các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn thuộc hệ thống sông Kôn theo quy định;

- Thực hiện bản tin dự báo lũ, lũ khẩn cấp tại Trạm Thủy văn Thạnh Hòa. Tần suất thực hiện bản tin theo quy định tại Quyết định số 46.

b) Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ:

- Thực hiện bản tin cảnh báo lũ tại các Trạm Thủy văn Bình Nghi và Thạnh Hòa. Tần suất thực hiện bản tin dự báo theo quy định tại Quyết định số 46;

- Thực hiện việc thu thập số liệu mưa, mực nước tại các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý trên hệ thống sông Kôn và quy định về điện báo;

- Thực hiện các bản tin dự báo mực nước, tin lũ, tin lũ khẩn cấp tại các Trạm Thủy văn Bình Nghi và Thạnh Hòa. Tần suất thực hiện bản tin dự báo theo quy định tại Quyết định số 46;

- Theo dõi, dự báo và phát hiện thời điểm mực nước tại các Trạm Thủy văn Bình Nghi và Thạnh Hòa đạt giá trị quy định tại Bảng 1, Bảng 4 và Bảng 5.

c) Các chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 15 phút một lần;

- Thực hiện bản tin dự báo lũ về hồ định kỳ 03 giờ một lần. Nội dung bản tin dự báo gồm mực nước hồ, lưu lượng đến hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới, trong đó phải dự báo thời gian xuất hiện đỉnh lũ về hồ; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.

3. Hàng năm, trước thời gian bắt đầu được phép tích nước quy định tại Điều 15 của Quy trình này, Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia phải thực hiện bản tin nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn và khả năng xuất hiện lũ trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 15 tháng 12 để phục vụ việc điều hành vận hành các hồ theo quy định tại Điều 15 của Quy trình này.

Điều 34. Trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, chủ hồ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phải thực hiện việc cung cấp số liệu, thông tin như sau:

a) Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia phải cung cấp bản tin quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai trước 16 giờ hàng ngày;

b) Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ phải cung cấp bản tin dự báo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 33 của Quy trình này cho Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn, Công ty TNHH KTCTTL Bình Định trước 16 giờ hàng ngày;

c) Các chủ hồ phải cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ trước 10 giờ hàng ngày.

Riêng đối chủ hồ Vĩnh Sơn 4, cụm hồ Vĩnh Sơn, Vĩnh Sơn 5 và Trà Xom 1 còn phải thực hiện việc cung cấp ngay bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 33 của Quy trình này cho chủ hồ Định Bình.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, chủ hồ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phải thực hiện việc cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia phải cung cấp ngay và liên tục các số liệu, bản tin cảnh báo, dự báo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

b) Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ phải cung cấp ngay và liên tục các số liệu, bản tin cảnh báo, dự báo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom, Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn và Công ty TNHH KTCTTL Bình Định;

Khi mực nước tại các Trạm Thủy văn Bình Nghi và Thạnh Hòa đạt mức quy định tại Bảng 1, Bảng 4, Bảng 5 phải thông báo ngay cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom và Công ty TNHH KTCTTL Bình Định.

c) Các chủ hồ phải cung cấp ngay bản tin dự báo kèm theo số liệu quan trắc, tính toán quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 33 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định; Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia và Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ.

Riêng các chủ hồ Vĩnh Sơn 4, cụm hồ Vĩnh Sơn, Vĩnh Sơn 5 và Trà Xom 1 còn phải thực hiện việc cung cấp ngay bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 33 của Quy trình này cho chủ hồ Định Bình.

3. Trách nhiệm báo cáo:

Các chủ hồ có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành giảm lũ và trạng thái làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, các chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành giảm lũ, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định; Cục Quản lý tài nguyên nước; Bộ Công Thương, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện để theo dõi, chỉ đạo;

b) Hàng năm chậm nhất sau 15 ngày khi kết thúc mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này, các chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định; Cục Quản lý tài nguyên nước; Bộ Công Thương, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện để theo dõi, chỉ đạo.

4. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

- a) Bằng fax;
- b) Chuyển bản tin bằng liên lạc;
- c) Chuyển bản tin bằng mạng vi tính;
- d) Thông tin trực tiếp qua điện thoại;
- đ) Liên lạc bằng máy thông tin vô tuyến điện.

Điều 35. Chế độ quan trắc, dự báo và trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa cạn

1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc, dự báo:

a) Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc các trị số khí tượng thủy văn: số liệu mưa, mực nước của toàn bộ mạng quan trắc thuộc hệ thống sông Kôn;

- Nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn trong tháng tới trên lưu vực sông Kôn vào ngày 02 hàng tháng.

b) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom, Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn và Công ty TNHH KTCTTL Bình Định:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy, mực nước thượng, hạ lưu hồ ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ;

- Tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 10 ngày tới vào các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng.

- Đối với Công ty TNHH KTCTTL Bình Định, hàng ngày còn phải tổ chức đo đạc, quan trắc như sau:

+ Lưu lượng lấy vào hệ thống kênh tưới đối với các hồ Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh và Văn Phong ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ;

+ Lưu lượng qua đập Văn Phong về hạ du sông Kôn ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

a) Tổng cục Khí tượng Thủy văn: Chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom, Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn và Công ty TNHH KTCTTL Bình Định các số liệu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này trong 10 ngày qua trước 16 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng;

b) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom, Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn và Công ty TNHH KTCTTL Bình Định cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ và Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia các số liệu:

- Mực nước thượng lưu, mực nước hạ lưu các hồ; lưu lượng đến hồ, tổng lưu lượng xả về hạ du thực tế 10 ngày qua trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng;

- Lưu lượng đến hồ, tổng lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng.

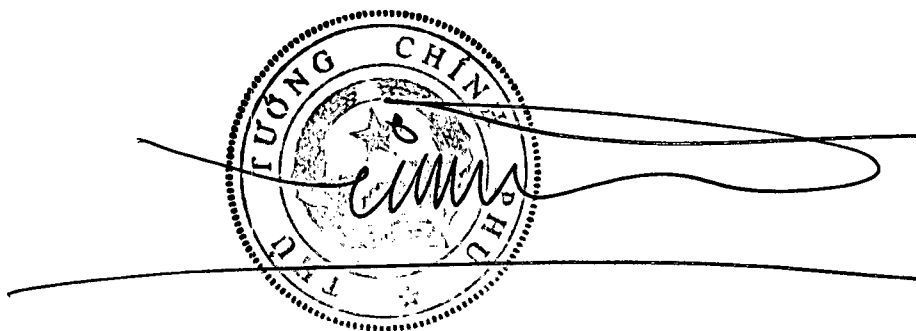
3. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

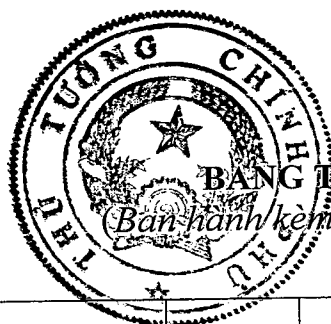
- a) Bằng fax;
- b) Chuyển bản tin bằng liên lạc;
- c) Chuyển bản tin bằng mạng vi tính;
- d) Thông tin trực tiếp qua điện thoại;
- đ) Liên lạc bằng máy thông tin vô tuyến điện.

Điều 36. Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan kiến nghị bằng văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the text 'THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ' around the perimeter. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

Trịnh Đình Dũng



Phụ lục I

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÁC HỒ CHỨA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 936/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

	Thông số	Đơn vị	Hồ								
			Vĩnh Sơn A	Vĩnh Sơn B	Vĩnh Sơn C	Vĩnh Sơn 4	Vĩnh Sơn 5	Trà Xom 1	Định Bình	Núi Một	Thuận Ninh
I	Thông số hồ chứa										
1	Diện tích lưu vực F_{lv}	km ²	97,00	117,00	72,00	470,00	482,00	86,90	1.040,00	110,00	78,50
2	Lưu lượng trung bình năm Q_0	m ³ /s	3,70	3,28	2,52	27,20	24,20	3,27	36,00	3,70	
3	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra	m ³ /s	1.910,00	2.150,00	1.090,00	5.041,06	5.910,00	920,00	9.690,00		
4	Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế	m ³ /s	1.530,00	1.730,00	869,00		3.730,00	760,00	8.130,00	1.125,00	
5	Mức nước lũ kiểm tra	m			987,52	207,70	158,25	668,72	94,80		
6	Mức nước dâng bình thường	m	775,00	826,00	981,00	205,00	155,00	668,00	91,93	46,20	68,00
7	Mức nước chết	m	765,00	813,60	971,30	195,00	154,00	653,00	65,00	25,00	56,00
8	Dung tích toàn bộ W_{tb}	10 ⁶ m ³	34,00	97,00	58,00	21,80	1,53	39,50	226,21	111,00	35,36
9	Dung tích hữu ích W_{hi}	10 ⁶ m ³	22,00	80,00	35,00	9,10	0,19	31,22	209,93	109,55	32,26
10	Dung tích chết W_c	10 ⁶ m ³	12,00	17,00	23,00	12,70	1,34	8,28	16,28	1,45	3,10
11	Diện tích mặt hồ ở MNDBT	km ²	2,71	9,90	4,41	0,82	0,25	2,81	13,20	10,60	4,96
II	Nhà máy thủy điện										
1	Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy	m ³ /s	13,20			46,19	66,80	4,90	37,50		
2	Cột nước phát điện lớn nhất	m	615,26			49,80		510,60	39,62		
3	Cột nước phát điện nhỏ nhất	m	575,84			43,20		484,10	22,03		
4	Cột nước phát điện tính toán	m	588,00			47,60	48,80	486,50	30,74		
5	Công suất đảm bảo (N_{db})	MW				5,04		8,33	5,00		
6	Công suất lắp máy (N_{lm})	MW	66,00			18,00	28,00	20,00	9,90		
7	Điện lượng bình quân năm (E_0)	10 ⁶ Kwh	308,00			74,18		85,64	60,00		
8	Số tổ máy	Tổ máy	2			2	2	2	3		

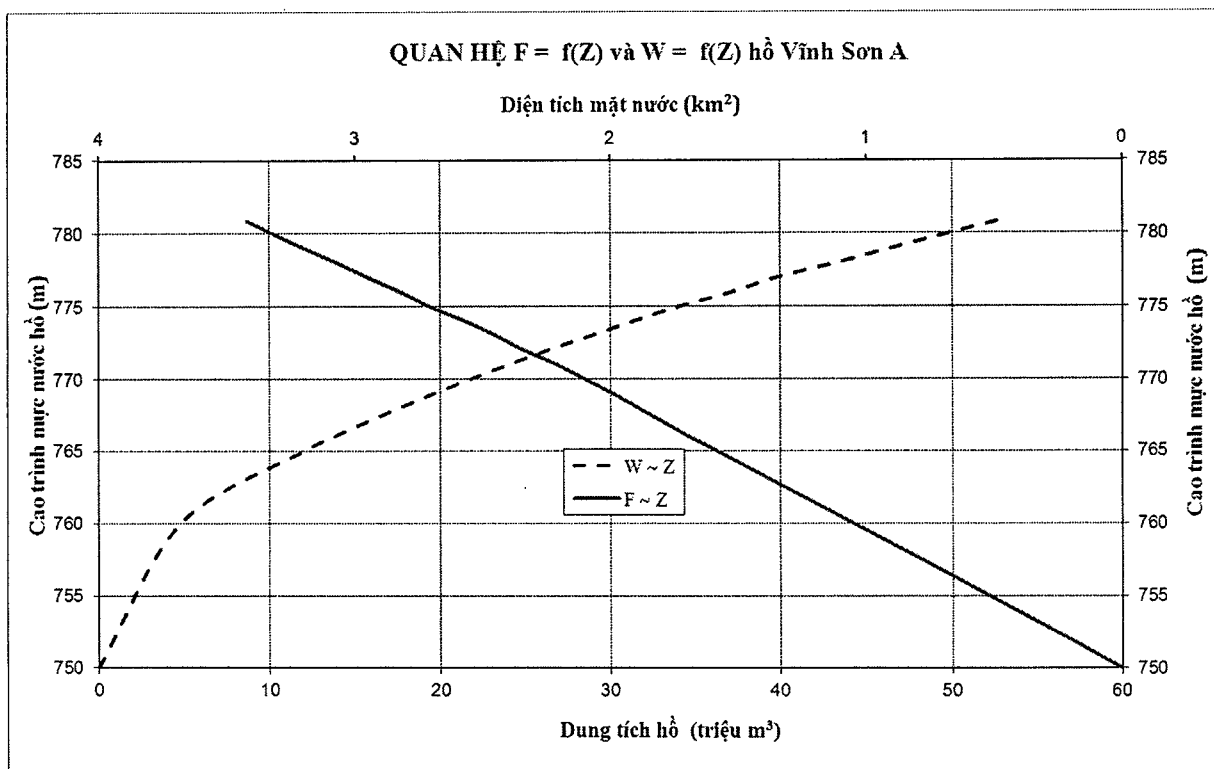


Phụ lục II
BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ
MỨC NƯỚC, DIỆN TÍCH VÀ DUNG TÍCH CÁC HỒ CHỨA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2018
của Thủ tướng Chính phủ)

I. HỒ CHỨA VĨNH SƠN A

Bảng tra quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$ hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A

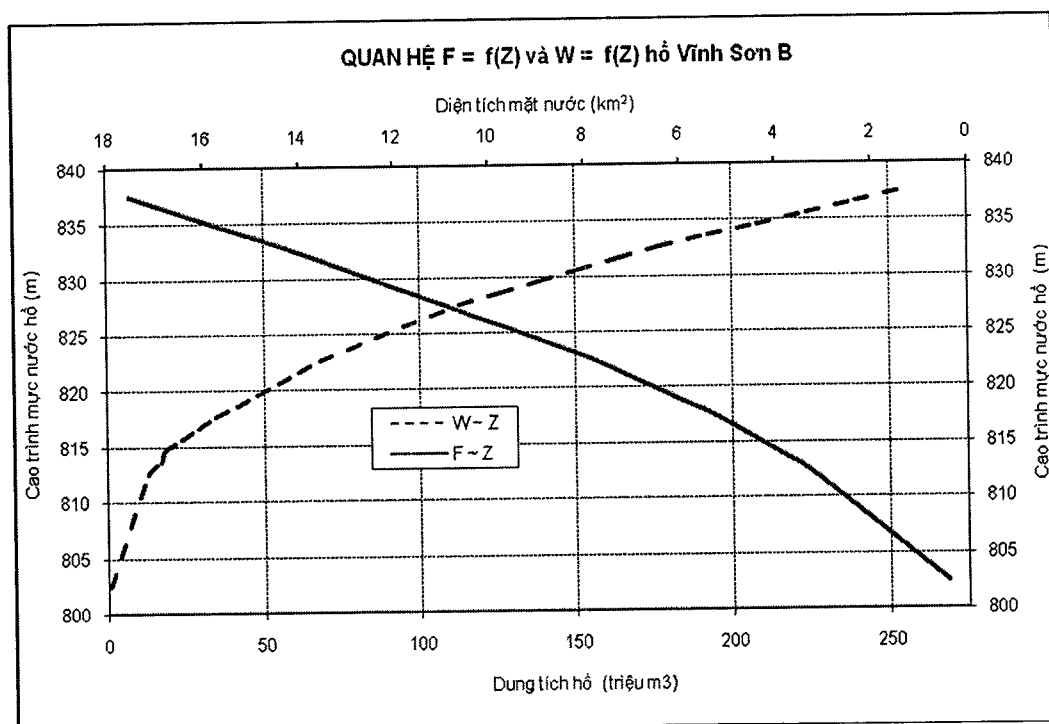
STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³	STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³
1	750,0	0,00	0,00	10	773,0	2,45	28,83
2	765,0	1,58	12,00	11	774,0	2,57	31,41
3	766,0	1,69	13,75	12	775,0	2,71	34,11
4	767,0	1,79	15,60	13	776,0	2,82	36,91
5	768,0	1,89	17,56	14	777,0	2,95	39,87
6	769,0	1,99	19,61	15	778,0	3,07	43,40
7	770,0	2,10	21,77	16	779,0	3,20	46,60
8	771,0	2,21	24,02	17	780,0	3,32	49,90
9	772,0	2,34	26,37	18	780,85	3,42	52,80



II. HỒ CHỨA VĨNH SƠN B

Bảng tra quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$ hồ chứa Vĩnh Sơn B

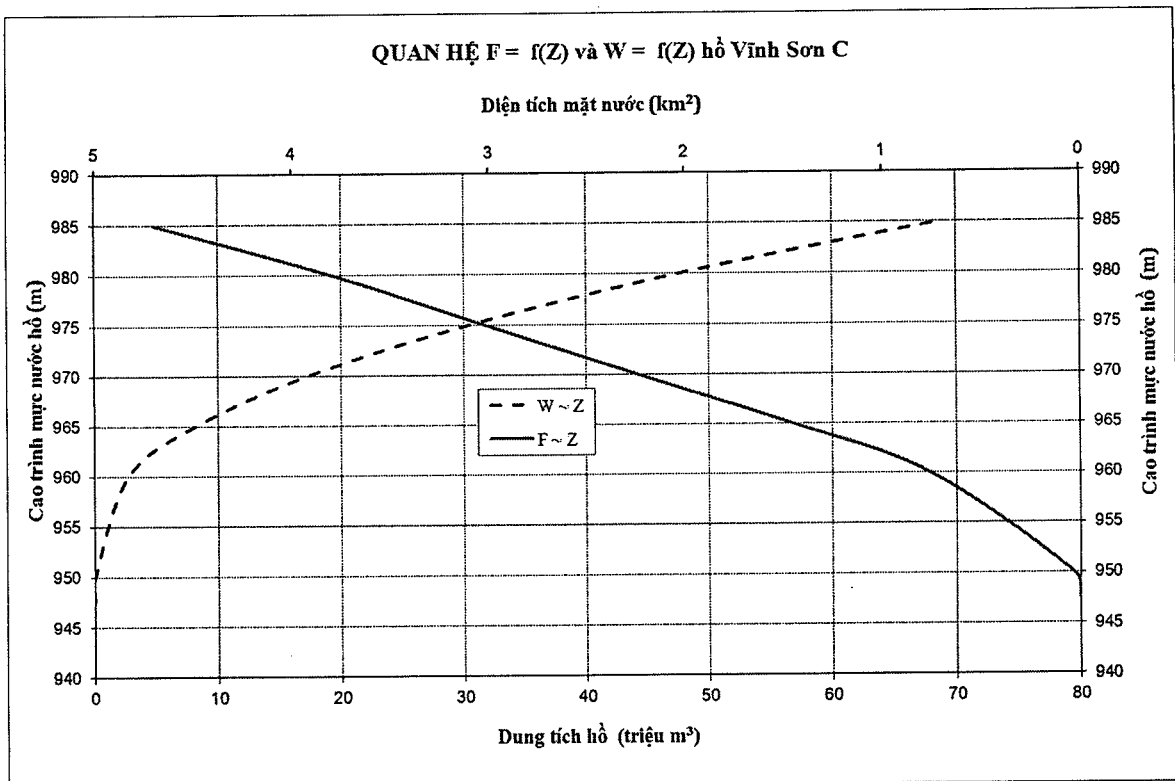
STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³	STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³
1	813,6	3,74	17,00	11	823,6	8,48	76,90
2	814,6	4,14	18,30	12	824,6	9,10	85,90
3	815,6	4,54	23,72	13	825,6	9,72	94,90
4	816,6	4,94	29,13	14	826,6	10,34	103,90
5	817,6	5,35	34,66	15	827,6	10,96	113,27
6	818,6	5,85	41,26	16	828,6	11,60	125,97
7	819,6	6,35	47,86	17	829,6	12,24	138,67
8	820,6	6,85	54,46	18	830,6	12,88	151,37
9	821,6	7,35	61,06	19	831,6	13,52	164,07
10	822,6	7,86	67,90	20	832,1	13,85	170,57



III. HỒ CHỨA VĨNH SƠN C

Bảng tra quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$ hồ chứa Vĩnh Sơn C

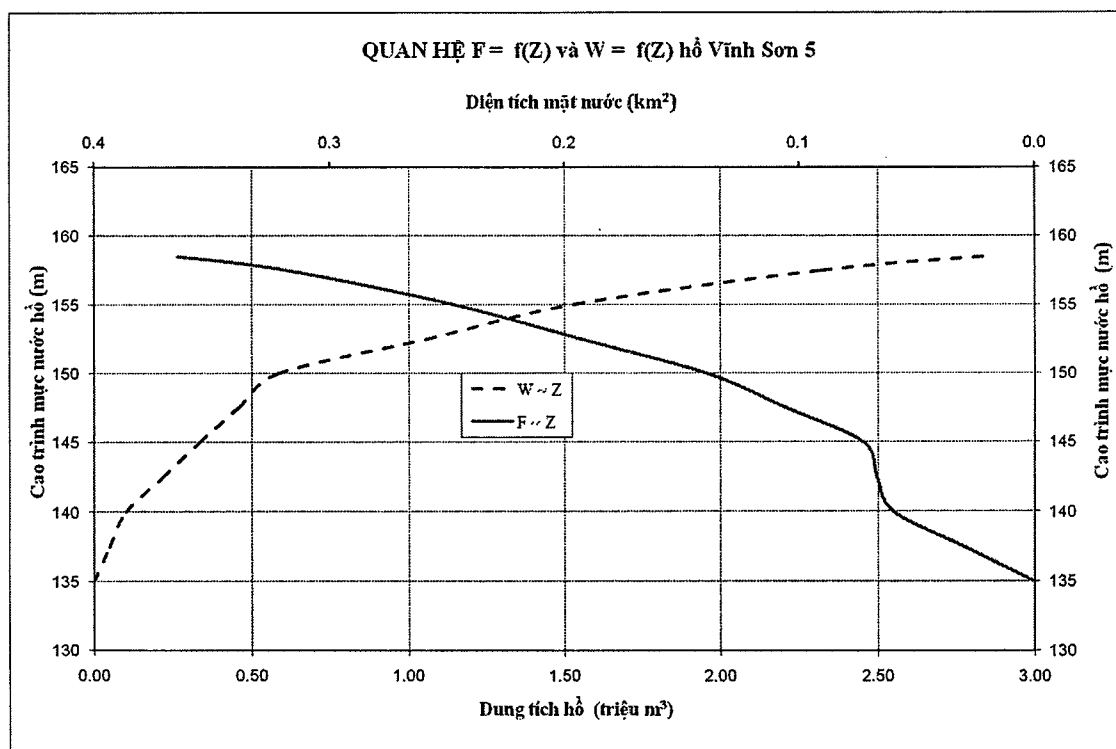
STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³	STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³
1	947,6	0,00	0,00	5	970,0	2,24	17,32
2	950,0	0,03	0,02	6	975,0	3,02	30,42
3	960,0	0,76	2,73	7	980,0	3,79	47,41
4	965,0	1,45	8,17	8	985,0	4,70	68,59



IV. HỒ CHỨA VĨNH SƠN 5

Bảng tra quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$ hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5

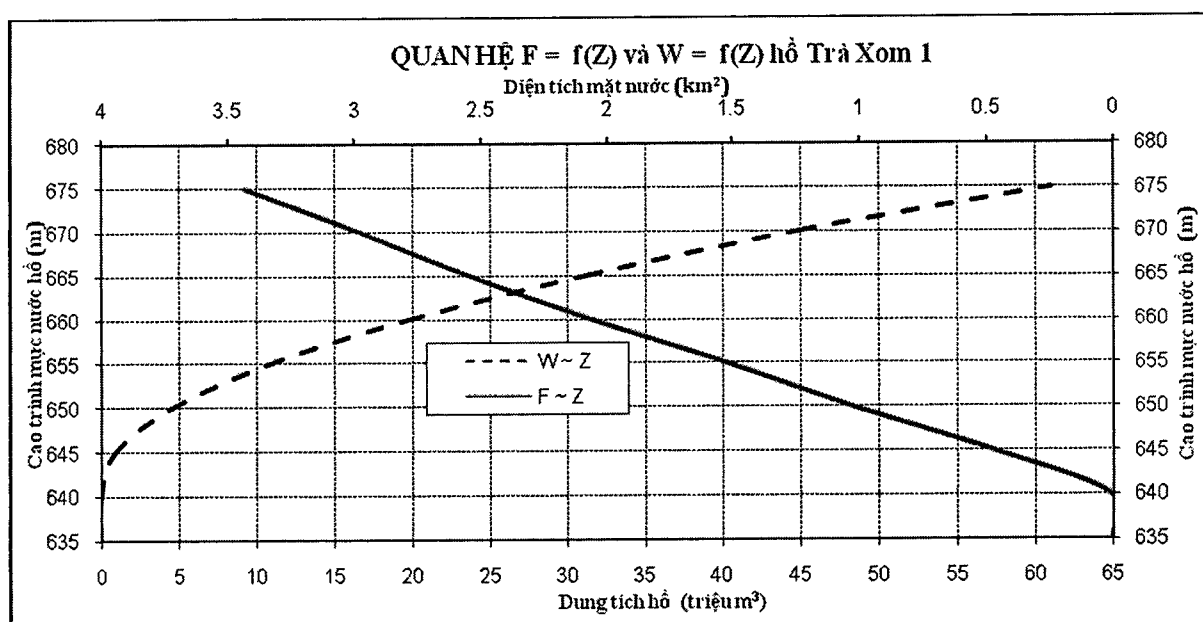
STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³	STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³
1	137,5	0,03	0,05	6	150,0	0,14	0,58
2	140,0	0,06	0,10	7	152,5	0,19	1,06
3	142,5	0,07	0,22	8	155,0	0,25	1,54
4	145,0	0,07	0,33	9	157,5	0,32	2,32
5	147,5	0,11	0,46	10	158,5	0,36	2,85



V. HỒ CHỨA TRÀ XOM 1

Bảng tra quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$ hồ chứa thủy điện Trà Xom 1

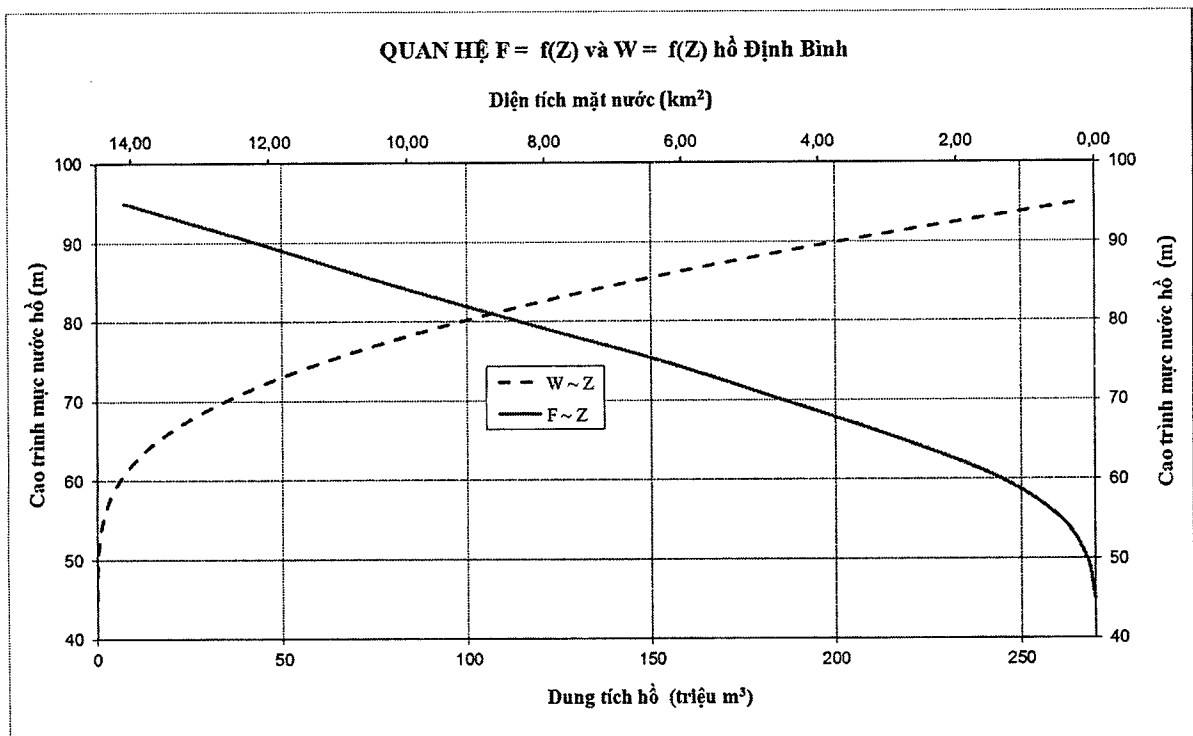
STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³	STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³
1	635,0	0,00	0,00	6	660,0	2,06	19,72
2	640,0	0,01	0,01	7	665,0	2,55	31,22
3	645,0	0,47	0,88	8	670,0	2,98	45,02
4	650,0	1,02	4,50	9	675,0	3,43	61,03
5	655,0	1,52	10,80				



VI. HỒ CHỨA ĐỊNH BÌNH

Bảng tra quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$ hồ chứa Định Bình

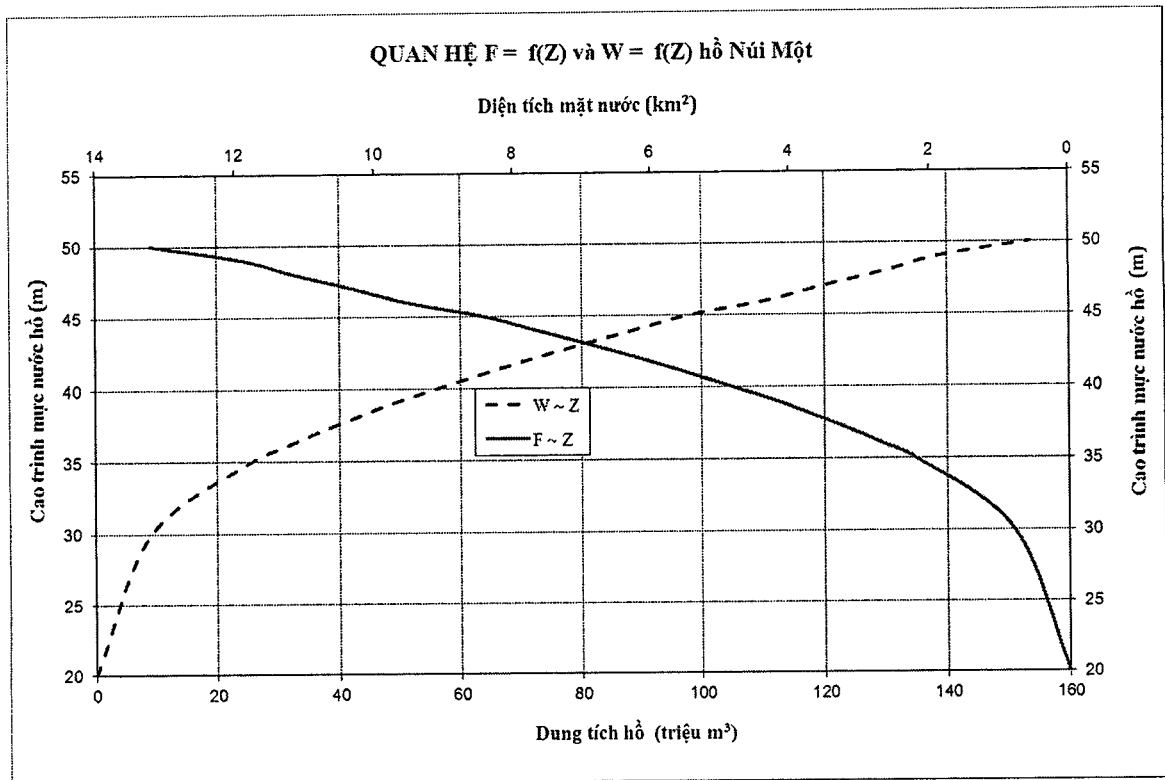
STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³	STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³
1	45,0	0,00	0,00	7	75,0	6,30	61,37
2	50,0	0,12	0,20	8	80,0	8,36	97,89
3	55,0	0,50	1,62	9	85,0	10,36	144,58
4	60,0	1,36	6,08	10	90,0	12,17	200,82
5	65,0	2,81	16,28	11	95,0	14,09	266,40
6	70,0	4,52	34,43				



VII. HỒ CHỨA NÚI MỘT

Bảng tra quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$ hồ chứa Núi Một

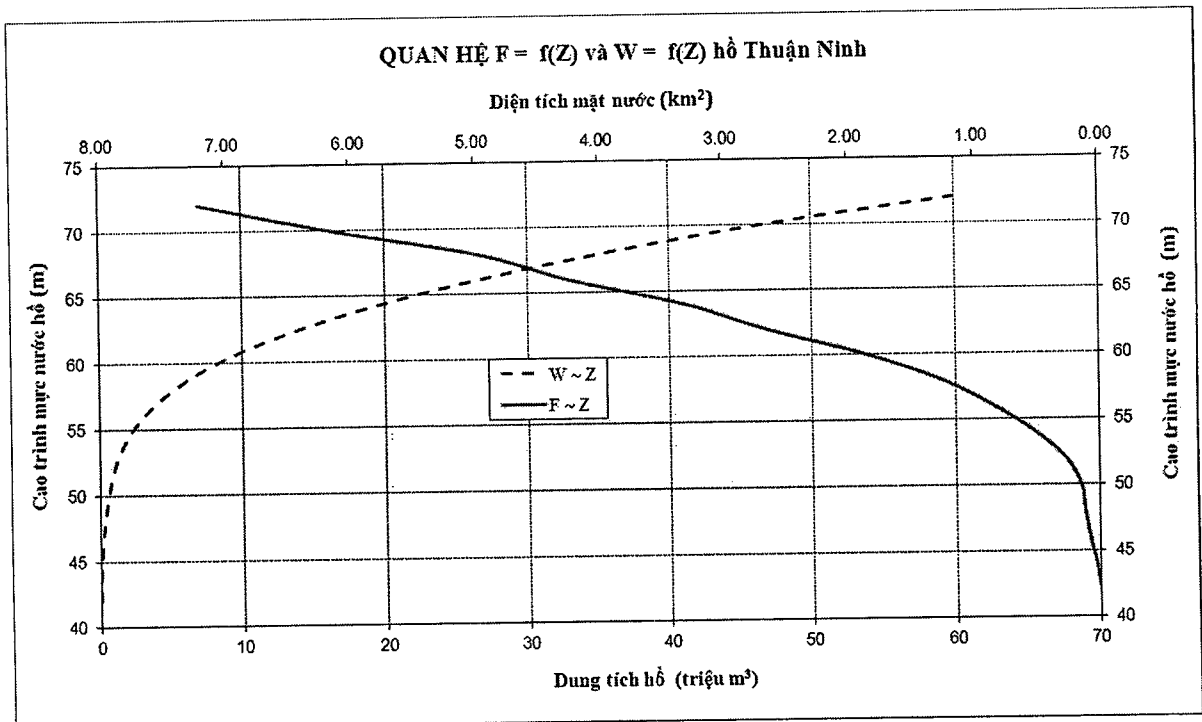
STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³	STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³
1	20,0	0,00	0,00	10	42,0	6,13	71,37
2	30,0	0,79	9,15	11	43,0	6,87	80,00
3	35,0	2,19	25,50	12	44,0	7,64	88,97
4	36,0	2,64	30,79	13	45,0	8,42	98,00
5	37,0	3,11	36,25	14	46,0	9,53	111,00
6	38,0	3,63	42,31	15	47,0	10,31	120,00
7	39,0	4,17	48,50	16	48,0	11,16	130,00
8	40,0	4,80	55,92	17	49,0	11,90	138,60
9	41,0	5,45	63,50	18	50,0	13,20	153,70



VIII. HỒ CHỨA THUẬN NINH

Bảng tra quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$ hồ chứa Thuận Ninh

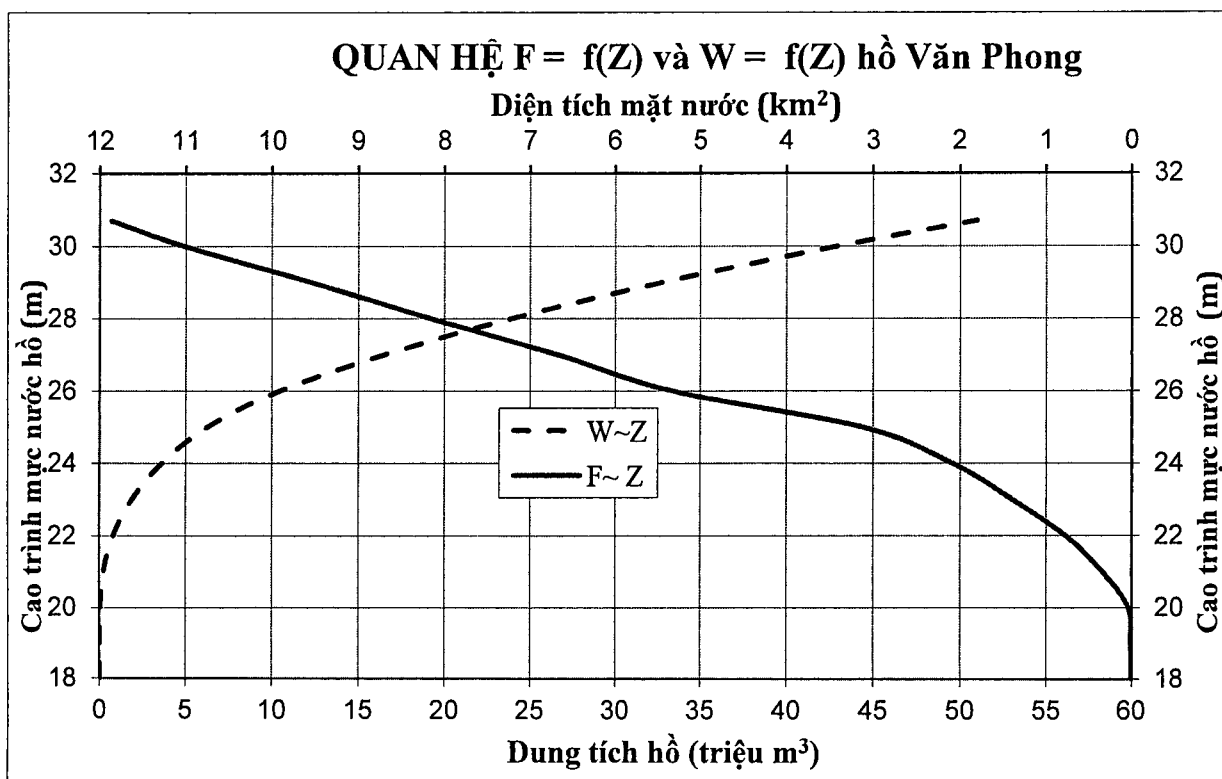
STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³	STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³
1	42,0	0,00	0,00	9	58,0	1,25	5,18
2	44,0	0,03	0,02	10	60,0	1,85	8,26
3	46,0	0,08	0,12	11	62,0	2,64	12,73
4	48,0	0,12	0,32	12	64,0	3,30	18,65
5	50,0	0,15	0,59	13	66,0	4,24	26,17
6	52,0	0,27	1,00	14	68,0	4,96	35,36
7	54,0	0,51	1,77	15	70,0	6,17	46,47
8	56,0	0,84	3,10	16	72,0	7,20	59,82



IX. HỒ VĂN PHONG

Bảng tra quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$ hồ Văn Phong

STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³	STT	Mức nước hồ (Z), m	Diện tích mặt nước (F), km ²	Dung tích (W), triệu m ³
1	18,0	0,005	0,00	8	25,0	3,11	6,22
2	19,0	0,015	0,01	9	26,0	5,32	10,43
3	20,0	0,041	0,04	10	27,0	6,67	16,43
4	21,0	0,34	0,23	11	28,0	8,16	23,84
5	22,0	0,78	0,79	12	29,0	9,53	32,68
6	23,0	1,40	1,87	13	30,0	11,01	42,96
7	24,0	2,09	3,62	14	30,7	11,87	50,96





Phụ lục III

KHOẢNG MỰC NƯỚC ĐỂ ĐIỀU HÀNH HỒ TRONG MÙA CẠN

Ban hành kèm theo Quyết định số 936 /QĐ-TTg, ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Khoảng mực nước của hồ Định Bình (m)	
	Từ	Đến	Từ	Đến
1	16/12	20/12	86,8	89,0
2	21/12	31/12	86,8	89,0
3	01/01	10/01	86,8	89,0
4	11/01	20/01	86,8	89,0
5	21/01	31/01	86,8	89,0
6	01/02	10/02	86,2	88,4
7	11/02	20/02	85,6	87,8
8	21/02	28/02 (29/02)	84,9	87,1
9	01/3	10/3	84,1	86,3
10	11/3	20/3	83,1	85,3
11	21/3	31/3	82,1	84,3
12	01/4	10/4	81,1	83,3
13	11/4	20/4	80,5	82,7
14	21/4	30/4	80,0	82,2
15	01/5	10/5	79,5	81,7
16	11/5	20/5	78,9	81,1
17	21/5	31/5	78,4	80,6
18	01/6	10/6	77,6	79,8
19	11/6	20/6	76,5	78,7
20	21/6	30/6	75,0	77,2
21	01/7	10/7	72,9	75,1
22	11/7	20/7	70,9	73,1
23	21/7	31/7	69,0	71,2
24	01/8	10/8	67,5	69,7
25	11/8	20/8	66,5	68,7
26	21/8	31/8	65,0	67,2